

Án số: 47 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2017
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trường Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hồ Trọng Phúc.**
2. Bà **Nguyễn Thị Hoàng Diễm.**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Tường Viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Triệu Hoàng Hùng -Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 740/2016/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXX-ST ngày 03/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/QĐHPT-ST ngày 25/5/2017 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn: Ông Lý S. T*** – sinh năm 1979
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
- 2. Bị đơn: Bà Hoàng T. T*** – sinh năm 1979
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý S. T trình bày: Ông và bà Hoàng T. T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N (nay là phường N), thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông và bà T có 04 con chung là Lý L. Q - sinh ngày 25/10/1998, Lý L. T. N – sinh ngày 12/8/2005, Lý H. A – sinh ngày 06/4/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì bình thường nhưng trong 05 năm trở lại đây vợ chồng không được hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau. Ông làm ăn đưa tiền về để bà T nuôi con nhưng lại đi đánh bài bạc, còn gây nợ nhiều lần làm cho ông phải trả. Mâu thuẫn kéo dài, ông đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà T vẫn không thay đổi nên vợ chồng ông ly thân. Do tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng T. T. Về con chung, ông yêu cầu được nuôi 03 con chung là Lý L. T. N – sinh ngày 12/8/2005, Lý H. A – sinh ngày 06/4/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011 không yêu cầu bà Thắng cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Thắng không làm việc gì để có thu nhập nuôi con, còn cháu Lý L. Q – sinh ngày 25/10/1998 đã trưởng thành. Về tài sản chung, ông không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng T. T trình bày: Bà và ông Lý S. T chung sống kết hôn và có con chung như ông T trình bày. Bà thừa nhận thường xuyên đánh bài bạc nhưng chỉ chơi với giá trị nhỏ, mặt khác do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác từ năm 2016. Hiện nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Về con chung, bà yêu cầu được nuôi 02 con

chung Lý H. A – sinh ngày 06/4/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011 vì từ trước đến nay các cháu đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Lý N. Đ mỗi tháng 3.000.000đ thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu Đ trưởng thành và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng một lần là 50.000.000đ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu A. Về tài sản chung, bà thừa nhận hiện tại tài sản chung của hai vợ chồng bà không xác định được là có hay không nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết và sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ án khác khi bà có yêu cầu.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng: Về quan hệ hôn nhân, tại phiên tòa nguyên đơn ông Toàn yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T đồng ý ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung, tại phiên tòa, nguyên đơn ông T yêu cầu được nuôi 03 con chung không yêu cầu bà T dưỡng nuôi con chung. Bị đơn bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung Lý H. A – sinh ngày 06/4/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011 đồng thời yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Lý N. Đ mỗi tháng 3.000.000đ và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng một lần là 50.000.000đ. Các bên không thống nhất được về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con do vậy xét hoàn cảnh thực tế giữa các bên nên căn cứ theo quy định tại Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bị đơn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn về việc cấp dưỡng nuôi cháu Đ theo định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định. Về tài sản chung, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lý S. T yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng T. T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý S. T và bà Hoàng T. T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn N (nay là phường N), thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 371 ngày 08/7/2004 nên Tòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo lời trình bày của nguyên đơn thì vợ chồng không được hạnh phúc bất đồng quan điểm với nhau, bà T thường xuyên bài bực gây nợ nhiều lần làm cho ông phải trả. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và hiện nay ông và bà T đã ly thân. Theo lời trình bày của bà T cũng cho rằng mâu thuẫn một phần do ông T có quan hệ với người khác và bà cũng thừa nhận có đánh bài bạc nhưng chỉ chơi với giá trị nhỏ và hiện nay tình cảm của bà đối với ông T không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Lý S. T và bà Hoàng T. T thể hiện “*trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh đập nhau*”.

Do vậy, xét thấy tình cảm của ông T không còn đối với bà T, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở theo quy

định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lý S. T.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa, ông Toàn yêu cầu nuôi con chung là Lý L. T. N – sinh ngày 12/8/2005, Lý H. A – sinh ngày 06/4/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T yêu cầu được nuôi con chung Lý H. A và Lý N. Đ. Đồng thời yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Lý N. Đ mỗi tháng 3.000.000đ thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2017 và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng một lần là 50.000.000đ. Theo bản tự khai của cháu Lý L. T. N trình bày nguyện vọng được ở với ông T và bản tự khai của cháu Lý H. A trình bày nguyện vọng được ở với bà T.

Hội đồng xét xử nhận định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện tốt. Xét hoàn cảnh hiện tại, ông T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N, còn các cháu A và Đ đang được bà Tg trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lý L. T. N – sinh ngày 12/8/2005 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lý H. A – sinh ngày 06/4/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng chính đáng của các cháu và có căn cứ theo quy định tại Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bị đơn bà T, Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nên xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn là phù hợp nên buộc ông T phải cấp dưỡng cho bà T nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) là phù hợp với điều kiện hiện nay và có căn cứ theo quy định tại Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn. Về con chung, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bị đơn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn về việc cấp dưỡng nuôi cháu Đạt theo định kỳ hàng tháng. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lý S. T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo định kỳ theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82, 83, 110 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Lý S. T: Ông Lý S. T được ly hôn với bà Lý S. T.

2. Về con chung: Giao cháu Lý L. T. N – sinh ngày 12/8/2005 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lý H. A – sinh ngày 06/01/2008 và Lý N. Đ – sinh ngày 04/6/2011 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T, bà T không yêu cầu cấp dưỡng qua lại nuôi con chung là cháu N và cháu A. Ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung là Lý N. Đ mỗi tháng 1.000.000đ(một triệu đồng) cho đến tuổi trưởng thành, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2017.

Ông T, bà T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Ông Lý S. T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ và án phí cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000đ nhưng được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012978 ngày 26/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông T còn phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa.
- UBND phường Ninh Hiệp.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải